

Bản án số: 17/2018/DSST

Ngày: 22/3/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng dân sự, mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2017/TLDS-ST, ngày 30/11/2017, về việc tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T; địa chỉ đường P, Phường B, thành phố V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990; địa chỉ đường M, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lương Hữu P, sinh năm 1970; địa chỉ đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thanh V, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2017 của nguyên đơn Đặng Thị T, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Quyết Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 24/12/2011 đến ngày 17/01/2012, ông Lương Hữu P có mua vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân T do bà Đặng Thị T làm chủ, tổng số tiền bằng 103.011.300đ (Một trăm lẻ ba triệu không trăm mười một ngàn ba trăm đồng). Tính đến ngày 22/5/2012, ông P đã thanh toán được số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Hiện còn nợ là 43.011.300đ (Bốn mươi ba triệu không trăm mười một ngàn ba trăm đồng).

Bà T có đến đòi nhiều lần nhưng ông P cứ hẹn mà không thanh toán. Đến ngày 07/02/2013, ông P có viết cam kết hẹn đến ngày 07/3/2013 sẽ trả cho bà T, đến hạn cam kết nhưng ông P cũng không thanh toán. Trong quá trình giải quyết hai bên đã chốt lại số tiền ông P còn nợ bằng 42.916.300đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm mười sáu ngàn ba trăm đồng), cho nên, ông đại diện cho bà T yêu cầu Tòa án buộc ông P trả cho bà T số tiền 42.916.300đ và yêu cầu tiền tính lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng, từ ngày 08/3/2013 đến ngày 08/3/2018.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08/01/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Lương Hữu P trình bày:

Ông thừa nhận ông có mua vật liệu xây dựng của bà Đặng Thị T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đúng như Chi tiết công nợ của nguyên đơn cung cấp. Trong quá trình mua bán, ông đã thanh toán được số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); hiện nay còn nợ bà T số tiền 42.916.300đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm mười sáu ngàn ba trăm đồng) và đồng ý trả cho bà T, nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Riêng đối với tiền lãi do chậm trả thì ông xin miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy người làm chứng Nguyễn Thanh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai rõ ràng, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T, có ông Nguyễn Quyết Q làm đại diện, Hội đồng xét xử thấy: Giữa bà T, ông P là người có đủ năng lực hành vi dân sự; thỏa thuận việc mua bán vật liệu xây dựng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc; nội dung và đối tượng của hợp đồng phù hợp với Điều 428 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã giao tài sản cho ông P trị giá bằng 103.011.300đ, ông P đã thanh toán được 60.000.000đ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông Q đại diện cho bà T và ông P đều thừa nhận ông P còn nợ tiền bà T là 42.916.300đ. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà*

bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, ông P còn nợ của bà T 42.916.300đ là có thật. Do đó, ông Q đại diện cho bà T yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả tiền cho bà T là có cơ sở chấp nhận phù hợp với khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Xét yêu cầu của ông P về việc xin trả dần số nợ trên mỗi tháng bằng 300.000đ và xin miễn tiền lãi do chậm thanh toán, nhưng không được nguyên đơn đồng ý, cho nên, ông P yêu cầu là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà Đặng Thị T về việc tính lãi chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 07/02/2013, ông P có cam kết đến ngày 07/3/2013 trả hết tiền cho bà T, nhưng ông P không thực hiện đúng cam kết. Như vậy, kể từ ngày 08/3/2013 thì quyền lợi ích hợp pháp của bà T bị xâm phạm, cho nên, bà T yêu cầu ông P phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 08/3/2013 đến ngày 08/3/2018 là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 2 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc tính lãi như sau: $42.916.300đ \times 1827 \text{ ngày (08/3/2013 đến 08/3/2018)} \times 9\%/365 = 19.333.499đ$.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cho nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 3.112.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 428, khoản 2 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T, có ông Nguyễn Quyết Q làm đại diện.

Buộc ông Lương Hữu P phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị T số tiền làm tròn bằng 62.250.000đ (Sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Lương Hữu P nộp 3.112.000đ (Ba triệu một trăm mười hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị T 1.575.000đ (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003162, ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)
Võ Tấn Thành